**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÒA THÀNH**
**TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2018
Về tranh chấp: *"Ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Tấn Nhàn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Huỳnh Quan Lộc**.

2. Bà **Lê Ngọc Trầm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**-** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Đặng Quốc Sĩ** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 824/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **TTKT**, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10/3C, ấp TH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Số 10, ấp SOD, xã TV, huyện TB, tỉnh TN

*2. Bị đơn:* Anh **LTL**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 10/3C, ấp TH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**-Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị TTKT trình bày:**

Chị và anh LTL chung sống từ năm 2011, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ vấn đề tiền bạc, anh L không tôn trọng người lớn trong gia đình chị, nhiều lần nói chuyện thô tục và nguyên nhân chính chị yêu cầu ly hôn với anh L là do anh L thường xuyên đánh bạc, không quan tâm, chăm sóc gia đình, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L không thay đổi gì. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung LTDM, sinh ngày 18/7/2012, hiện đang sống cùng anh L. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh L tiếp tục nuôi dưỡng LTDM, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không ai nợ anh chị.

**-Theo bản tự khai ngày 11/01/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2018, bị đơn anh LTL trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh thất nghiệp, không có thu nhập, vợ chồng thường hay cãi vã nhau về vấn đề tiền bạc, nhưng theo anh những mâu thuẫn nêu trên là không lớn, anh còn yêu thương chị T nên nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung như lời trình bày của chị T, hiện LTDM đang sống cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không ai nợ anh chị.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:*

***-Về thủ tục tố tụng:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***-Về việc giải quyết vụ án*:** Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thấy rằng:

*Về hôn nhân*: Nay chị T và anh L tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

*Về con chung*: Giao con chung LTDM, sinh ngày 18/7/2012 cho anh L nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T, anh L trình bày không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Xét về quan hệ hôn nhân của chị T và anh L thấy rằng: Anh chị bắt đầu chung sống từ năm 2011, có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

[1.1] Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L với lý do anh L không cố gắng làm việc, không có ý chí phấn đấu dẫn đến thất nghiệp, không có thu nhập, anh L không tôn trọng chị. Nguyên nhân chính mà chị yêu cầu ly hôn với anh L là do anh L không tôn trọng người lớn trong gia đình, nói chuyện thô tục, đam mê cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc gia đình, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L thừa nhận những nguyên nhân mâu thuẫn do chị T trình bày, riêng chỉ có việc không tôn trọng người lớn trong gia đình là không đúng. Nay anh còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn.

[1.2] Chị T và anh L thống nhất cả hai đã ly thân được một thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn. Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án triệu tập hợp lệ anh L nhiều lần để làm rõ nội dung đơn khởi kiện của chị T nhưng anh L chỉ đến Tòa án một lần. Điều đó, chứng tỏ anh L đã không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, mâu thuẫn xảy ra nhưng anh chị không có giải pháp thích hợp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm giúp đỡ nhau trong thời gian chung sống. Nhận thấy, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 01 người con chung LTDM, sinh ngày 18/7/2012, hiện đang sống cùng anh L. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, LTDM hiện

đang sống cùng anh L và anh L cũng có yêu cầu nuôi dưỡng nên cần giao cho L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình .

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh L trình bày không có.

Chị T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

# QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TTKT đối với anh LTL.

Chị TTKT được ly hôn với anh LTL.

2. Về con chung: Anh LTL được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung LTDM, sinh ngày 18/7/2012.

Ghi nhận chị TTKT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 13/3/2018 cho đến khi con chung LTDM đủ 18 tuổi.

Chị TTKT có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh LTL có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị TTKT không chịu cấp dưỡng số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T còn phải trả cho anh L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị TTKT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004893 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị T còn phải nộp 150.000 đồng.

Chị TTKT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Anh LTL được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND huyện Hòa Thành.
- CCTHADS huyện Hòa Thành.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Tấn Nhàn**